



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN

SÔNG ĐÀ 11 THĂNG LONG



an independent member of

**BAKER TILLY
INTERNATIONAL**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán	5
4. Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp năm 2011	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp năm 2011	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2011	13 – 37



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Sông Đà 11 Thăng Long được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Xí nghiệp Sông Đà 11.2 và Xí nghiệp Sông Đà 11.5 của Công ty Cổ phần Sông Đà 11. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303001301 ngày 10 tháng 7 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây - nay là thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 6 lần được Sở Kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 6 số 0500589591 ngày 19 tháng 10 năm 2010 về thay đổi người đại diện theo pháp luật, số điện thoại và địa chỉ Công ty.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Sông Đà	1.500.000.000	3%
Công ty Cổ phần Sông Đà 11	15.500.000.000	31%
Ông Nguyễn Trí Dũng	5.000.000.000	10%
Các cổ đông khác	28.000.000.000	56%
Cộng	50.000.000.000	100%

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : BT 03 - Vị trí 24 - Khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội
Điện thoại : 04 22 463 212
Fax : 04 33 554 511
E-mail : Songda11thanglong@gmail.com
Mã số thuế : 0 5 0 0 5 8 9 5 9 1

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Sông Đà 11.1 Thăng Long	BT 03 - Vị trí 24, Khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội Số 284, Cách mạng Tháng 8, Phường Hoa Lư, tỉnh Gia Lai
Chi nhánh Sông Đà 11.2 Thăng Long	Số 243, Trường Chinh, thành phố Đà Nẵng

Hoạt động chính của Công ty là:

- Xây lắp đường dây tải điện, trạm biến áp đến cấp điện áp 500 KV;
- Xây dựng các công trình thủy điện, thủy lợi, giao thông, bưu điện;
- Dịch vụ quản lý, vận hành, phân phối điện năng;
- Xây lắp hệ thống điện, cấp thoát nước khu đô thị và khu công nghiệp;
- Xây lắp các kết cấu công trình;
- Dịch vụ quản lý vận hành nhà máy thủy điện vừa và nhỏ, nhà máy nước tại các khu công nghiệp và đô thị;

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 THĂNG LONG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm về cơ khí;
- Dịch vụ quản lý và vận hành kinh doanh bán điện, sản xuất kinh doanh điện thương phẩm;
- Mua bán phương tiện vận tải cơ giới, chuyên chở hàng hoá đường bộ, vật tư thiết bị phục vụ thi công xây dựng, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị phụ tùng cơ giới và công nghệ xây dựng các công trình giao thông, thuỷ lợi và bưu điện;
- Xây lắp, thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị điện, bảo dưỡng, lắp ráp tủ bảng điện công nghệ cho đường dây, nhà máy điện, trạm biến áp và các dây chuyền công nghệ có cấp điện áp đến 500 KV;
- Bảo trì, bảo dưỡng định kỳ các nhà máy điện, trạm biến áp, xử lý sự cố bất thường cho các công trình điện;
- Tư vấn chuyên ngành thiết kế hệ thống điện, điện tử và tự động hoá (trừ dịch vụ thiết kế các công trình);
- Xây dựng các khu đô thị, nhà cao tầng và chung cư, khai thác vật liệu xây dựng./.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 37).

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2011 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Phạm Lạp	Chủ tịch	04 tháng 7 năm 2008	26 tháng 4 năm 2011
Nguyễn Bạch Dương	Chủ tịch	26 tháng 04 năm 2011	
Ông Nguyễn Văn Sơn	Ủy viên	04 tháng 7 năm 2008	26 tháng 4 năm 2011
Ông Lê Văn Tuấn	Ủy viên	04 tháng 7 năm 2008	
Ông Nguyễn Trí Dũng	Ủy viên	04 tháng 7 năm 2008	
Ông Trần Văn Ngu	Ủy viên	04 tháng 7 năm 2008	
Vi Giang Khu	Ủy viên	26 tháng 4 năm 2011	

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Khương Văn Nhiệm	Trưởng ban	16 tháng 4 năm 2010
Ông Nguyễn Như Thức	Thành viên	04 tháng 7 năm 2008
Ông Phạm Văn Ngữ	Thành viên	12 tháng 5 năm 2009

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Lê Văn Tuấn	Tổng Giám đốc	29 tháng 4 năm 2010
Ông Đào Văn Tầu	Phó Tổng Giám đốc	10 tháng 7 năm 2008
Ông Vi Giang Khu	Phó Tổng Giám đốc	10 tháng 7 năm 2008

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 THĂNG LONG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Ứng Vũ Thanh	Phó Tổng Giám đốc	19 tháng 8 năm 2010

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính tổng hợp được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 11 Thăng Long tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Lê Văn Tuấn

Ngày 14 tháng 3 năm 2012



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 229 Dong Khoi St., Dist.1, Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 38 272 295 - Fax: (84.8) 38 272 300
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 59/2012/BCTC-KTTV-KT1

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP NĂM 2011
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 THĂNG LONG**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 THĂNG LONG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2011 của Công ty Cổ phần Sông Đà 11 Thăng Long gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 14 tháng 3 năm 2012, từ trang 06 đến trang 37 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính tổng hợp không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính tổng hợp; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 11 Thăng Long tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Giám đốc



Nguyễn Hoàng Đức

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0368/KTV

Kiểm toán viên

Hoàng Thị Viêt

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0374/KTV

Hà Nội, ngày 14 tháng 3 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 THĂNG LONG

Địa chỉ: BT03 - Vị trí 24 - Khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		226.500.130.285	201.153.939.146
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	18.058.266.009	13.459.072.102
1. Tiền	111		7.058.266.009	7.659.072.102
2. Các khoản tương đương tiền	112		11.000.000.000	5.800.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		119.472.411.118	128.444.240.935
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	105.722.503.902	118.151.480.961
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	11.130.739.027	8.603.651.929
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	2.619.168.189	1.689.108.045
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		78.948.671.110	52.088.946.978
1. Hàng tồn kho	141	V.5	78.948.671.110	52.088.946.978
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		10.020.782.048	7.161.679.131
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6	39.438.124	25.592.954
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	222.912.091
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.7	9.981.343.924	6.913.174.086

TINH H

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 THĂNG LONG

Địa chỉ: BT03 - Vị trí 24 - Khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		36.132.478.772	36.929.903.085
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		16.172.748.213	16.335.098.114
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	11.400.548.213	11.723.898.114
<i>Nguyên giá</i>	222		18.334.612.724	16.759.028.167
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(6.934.064.511)	(5.035.130.053)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	4.611.200.000	4.611.200.000
<i>Nguyên giá</i>	228		4.611.200.000	4.611.200.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.10	161.000.000	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		18.300.000.000	18.300.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.11	-	10.300.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.12	10.300.000.000	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	8.000.000.000	8.000.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.659.730.559	2.294.804.971
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	1.654.730.559	2.289.804.971
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.15	5.000.000	5.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		262.632.609.057	238.083.842.231

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 THĂNG LONG

Địa chỉ: BT03 - Vị trí 24 - Khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		194.162.516.278	170.729.434.356
I. Nợ ngắn hạn	310		190.792.685.646	164.651.360.201
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.16	62.200.643.938	61.764.800.489
2. Phải trả người bán	312	V.17	46.529.450.966	59.542.656.908
3. Người mua trả tiền trước	313	V.18	30.172.888.865	15.234.267.801
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.19	10.645.751.240	6.746.499.997
5. Phải trả người lao động	315		10.916.733.269	6.735.349.564
6. Chi phí phải trả	316	V.20	14.321.395.787	8.607.639.027
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.21	15.884.140.815	6.060.850.165
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.22	121.680.766	(40.703.750)
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		3.369.830.632	6.078.074.155
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.23	699.046.268	1.672.235.732
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.24	391.525.524	282.819.808
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	V.25	2.279.258.840	4.123.018.615
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		68.470.092.779	67.354.407.875
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.26	68.470.092.779	67.354.407.875
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		50.000.000.000	50.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		5.000.000.000	5.000.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		4.344.230.853	2.519.993.850
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		948.992.506	481.338.742
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		8.176.869.420	9.353.075.283
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		262.632.609.057	238.083.842.231

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 THĂNG LONG

Địa chỉ: BT03 - Vị trí 24 - Khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		200,68	200,44
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Lập ngày 14 tháng 3 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Đoàn Văn Hiếu



Trần Thanh Giang



Lê Văn Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 THĂNG LONG

Địa chỉ: BT03 - Vị trí 24 - Khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	213.185.780.552	276.650.886.957
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		213.185.780.552	276.650.886.957
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	173.889.901.957	240.157.287.364
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		39.295.878.595	36.493.599.593
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	483.404.794	1.526.628.417
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	12.942.584.648	7.512.721.674
Trong đó: chi phí lãi vay	23		12.942.584.648	7.512.721.674
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	16.015.613.707	17.603.273.717
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		10.821.085.034	12.904.232.619
11. Thu nhập khác	31	VI.6	122.577.313	522.052.348
12. Chi phí khác	32	VI.7	687.299.720	758.340.469
13. Lợi nhuận khác	40		(564.722.407)	(236.288.121)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		10.256.362.627	12.667.944.498
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		2.079.493.207	3.314.869.215
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>8.176.869.420</u>	<u>9.353.075.283</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	<u>1.635</u>	<u>1.871</u>

Người lập biểu

Đoàn Văn Hiếu

Kế toán trưởng

Trần Thanh Giang

Lập ngày 14 tháng 3 năm 2012

Tổng Giám đốc



Lê Văn Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 THĂNG LONG

Địa chỉ: BT03 - Vị trí 24 - Khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	10.256.362.627	12.667.944.498
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	2.044.479.446	2.343.715.514
- Các khoản dự phòng	03	-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(39.725.000)	(1.395.974.767)
- Chi phí lãi vay	06	12.942.584.648	7.512.721.674
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	25.203.701.721	21.128.406.919
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	6.159.188.269	(37.616.610.941)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(26.859.724.132)	19.283.171.779
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	15.313.580.897	(7.816.623.935)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	621.229.242	106.092.583
- Tiền lãi vay đã trả	13	(12.994.403.350)	(7.304.745.859)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(33.211.981)	(3.763.443.339)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	2.513.893.759
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(434.052.563)	(449.900.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	6.976.308.103	(13.919.759.034)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(1.882.129.545)	(6.052.198.596)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	2.636.364	503.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(1.500.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	39.725.000	423.860.866
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.839.768.181)	(6.625.337.730)

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 THĂNG LONG

Địa chỉ: BT03 - Vị trí 24 - Khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	122.560.614.594	89.120.754.176
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(123.097.960.609)	(83.828.724.829)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(5.551.050.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(537.346.015)	(259.020.653)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	4.599.193.907	(20.804.117.417)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60 V.1	13.459.072.102	34.263.189.519
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70 V.1	18.058.266.009	13.459.072.102

Người lập biểu

Đoàn Văn Hiếu

Kế toán trưởng

Trần Thanh Giang

Lập ngày 14 tháng 3 năm 2012

Tổng Giám đốc



Lê Văn Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 THĂNG LONG

Địa chỉ: BT 03 - Vị trí 24 - Khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2011

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Xây dựng, lắp đặt
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Xây lắp đường dây tải điện, trạm biến áp đến cấp điện áp 500 kv; Xây dựng các công trình thủy điện, thủy lợi, giao thông, bưu điện; Dịch vụ quản lý, vận hành, phân phối điện năng; Xây lắp hệ thống điện, cấp thoát nước khu đô thị và khu công nghiệp; Dịch vụ quản lý vận hành nhà máy thủy điện vừa và nhỏ, nhà máy nước tại các khu công nghiệp và đô thị; Dịch vụ quản lý và vận hành kinh doanh bán điện, sản xuất kinh doanh điện thương phẩm.
4. **Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 Công ty có 434 nhân viên đang làm việc (cuối năm trước là 478 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 THẮNG LONG

Địa chỉ: BT 03 - Vị trí 24 - Khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng bất động sản.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25
Máy móc và thiết bị	8 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 8

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 THĂNG LONG

Địa chỉ: BT 03 - Vị trí 24 - Khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty là Quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Thương hiệu Sông Đà và lợi thế thương mại

Thương hiệu Sông Đà và lợi thế thương mại được ghi nhận theo số liệu Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 01 tháng 8 năm 2008 của Công ty Cổ phần Sông Đà 11. Thương hiệu Sông Đà và lợi thế thương mại được phân bổ trong 10 năm.

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

11. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm và bảo hiểm thất nghiệp

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 tại các công ty trong Công ty. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 1% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc trong năm thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 THĂNG LONG

Địa chỉ: BT 03 - Vị trí 24 - Khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

phù qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

12. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

13. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

14. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

17. Hợp đồng xây dựng

Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

18. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 THĂNG LONG

Địa chỉ: BT 03 - Vị trí 24 - Khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

19. **Nợ phải trả tài chính**

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 THĂNG LONG

Địa chỉ: BT 03 - Vị trí 24 - Khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.2.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	3.578.514.830	1.100.930.892
Tiền gửi ngân hàng	3.479.751.179	6.322.566.748
Tiền đang chuyển	-	235.574.462
Các khoản tương đương tiền	11.000.000.000	5.800.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống	11.000.000.000	5.800.000.000
Cộng	18.058.266.009	13.459.072.102

2. Phải thu khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Người bán cung cấp dịch vụ xây dựng, lắp đặt	78.376.202.128	110.102.961.978
Khách hàng mua điện, nước và dịch vụ khác	27.346.301.774	8.048.518.983
Cộng	105.722.503.902	118.151.480.961

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 THĂNG LONG

Địa chỉ: BT 03 - Vị trí 24 - Khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

3. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Người bán cung cấp dịch vụ xây dựng, lắp đặt	10.517.703.889	6.200.300.911
Người bán cung cấp vật tư và dịch vụ khác	613.035.138	2.403.351.018
Cộng	11.130.739.027	8.603.651.929

4. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
BHXH, BHYT phải thu nhân viên	886.703.392	79.665.955
Nguyễn Mạnh Hà	600.000.000	-
Tiền đền bù đã trả hộ chủ đầu tư	522.245.922	513.992.521
Tiền lãi trái phiếu	66.207.500	511.597.222
Các khoản phải thu khác	544.011.375	583.852.347
Cộng	2.619.168.189	1.689.108.045

5. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	6.142.166.380	3.445.931.997
Công cụ, dụng cụ	262.205.622	120.689.040
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	72.544.299.108	48.522.325.941
Cộng	78.948.671.110	52.088.946.978

6. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	30.859.955	25.592.954
Chi phí sửa chữa	8.578.169	-
Cộng	39.438.124	25.592.954

7. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	9.931.091.361	6.905.674.086
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	50.252.563	7.500.000
Cộng	9.981.343.924	6.913.174.086

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 THĂNG LONG

Địa chỉ: BT 03 - Vị trí 24 - Khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	3.444.510.778	5.865.604.850	6.633.673.129	815.239.410	16.759.028.167
Tăng trong năm	254.552.727	593.879.000	803.181.818	69.516.000	1.721.129.545
Mua sắm mới	-	593.879.000	803.181.818	69.516.000	1.466.576.818
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	254.552.727	-	-	-	254.552.727
Giảm do thanh lý trong năm	-	(145.544.988)	-	-	(145.544.988)
Số cuối năm	3.699.063.505	6.313.938.862	7.436.854.947	884.755.410	18.334.612.724
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	11.481.703	2.380.158.583	2.400.830.202	242.659.565	5.035.130.053
Tăng do khấu hao trong năm	187.552.100	807.810.478	905.928.334	143.188.534	2.044.479.446
Giảm do thanh lý	-	(145.544.988)	-	-	(145.544.988)
Số cuối năm	199.033.803	3.042.424.073	3.306.758.536	385.848.099	6.934.064.511
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	3.433.029.075	3.485.446.267	4.232.842.927	572.579.845	11.723.898.114
Số cuối năm	3.500.029.702	3.271.514.789	4.130.096.411	498.907.311	11.400.548.213

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá là 14.958.799.921 đồng và giá trị còn lại là 12.058.861.382 đồng đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng.

9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là Quyền sử dụng 262 m² đất tại BT03 - Vị trí 24 - Khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do ban Quản lý dự án khu đô thị Xa La đang làm thủ tục để cấp giấy chứng nhận. Quyền sử dụng đất này được Công ty mua lại của cá nhân theo hợp đồng chuyển nhượng ký năm 2009. Giá trị Quyền sử dụng đất tạm tăng chưa bao gồm lệ phí trước bạ và các chi phí khác theo quy định của nhà nước trước khi làm thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối năm
Mua sắm TSCĐ	-	1.466.576.818	(1.466.576.818)	-
XDCB dở dang	-	415.552.727	(254.552.727)	161.000.000
- Công trình văn phòng Công ty	-	254.552.727	(254.552.727)	-
- Công trình văn phòng Chi nhánh 11.2	-	161.000.000	-	161.000.000
Cộng	-	1.882.129.545	(1.721.129.545)	161.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 THĂNG LONG

Địa chỉ: BT 03 - Vị trí 24 - Khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

11. Đầu tư vào công ty con

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Thủy Điện To Buông	-	-	785.000	10.300.000.000
Cộng				10.300.000.000

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5500378582 ngày 20 tháng 10 năm 2011 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện To Buông 24.000.000.000 VND tương đương 2.400.000 cổ phần và 40% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 10.300.000.000 VND, tương đương 785.000 cổ phần.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/06/2011 của Công ty Cổ phần Thủy điện To Buông về việc thông qua phương án điều chỉnh vốn của Công ty Cổ phần Sông Đà 11 Thăng Long từ 45% xuống còn 40% và không có thỏa thuận nào khác về việc nắm quyền kiểm soát tại Công ty Cổ phần Thủy điện To Buông, do đó khoản đầu tư này được trình bày ở chỉ tiêu "Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh".

12. Đầu tư vào công ty liên kết

Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện To Buông.

13. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư Cổ phiếu vào Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà (*)	500.000	5.000.000.000	500.000	5.000.000.000
Đầu tư Cổ phiếu vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà 11	300.000	3.000.000.000	300.000	3.000.000.000
Cộng		8.000.000.000		8.000.000.000

(*) Khoản đầu tư Cổ phiếu vào Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà được chuyển đổi từ khoản đầu tư trái phiếu chuyển đổi theo quyết định số 1401/QĐ-NHNN ngày 10 tháng 06 năm 2010 về việc điều chỉnh thời gian chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi đã phát hành năm 2009 thành cổ phiếu sau 12 tháng kể từ ngày phát hành.

14. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí phát sinh trong năm		Phân bổ vào chi phí trong năm	
	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm
Công cụ dụng cụ	524.546.552	22.016.362	373.082.355	173.480.559
Thương hiệu Sông Đà	1.137.500.000	-	150.000.000	987.500.000
Lợi thuế thương mại	568.750.000	-	75.000.000	493.750.000
Chi phí sửa chữa	59.008.419	-	59.008.419	-
Cộng	2.289.804.971	22.016.362	657.090.774	1.654.730.559

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 THĂNG LONG

Địa chỉ: BT 03 - Vị trí 24 - Khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

15. Tài sản dài hạn khác

Là khoản ký cược dài hạn

16. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	59.227.454.474	52.754.987.139
+) Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung (a)	34.323.513.663	32.650.522.205
+) Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hà Nội (b)	4.919.626.726	20.104.464.934
+) Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Láng Hạ (c)	19.984.314.085	-
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	2.000.000.000	8.036.623.886
+) Vay Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà (d)	-	8.036.623.886
+) Vay Ông Hà Văn Cường (e)	1.000.000.000	-
+) Vay Ông Đỗ Quang Cường (e)	1.000.000.000	-
Vay dài hạn đến hạn trả	973.189.464	973.189.464
Cộng	62.200.643.938	61.764.800.489

- (a) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng tín chấp.
- (b) Khoản vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hà Nội để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất và tài trợ thương mại. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc duy trì giá trị các khoản phải thu tối thiểu là 60.000.000.000 VND.
- (c) Vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Láng Hạ theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 1400-LAV-201000579 ngày 10/06/2011, số tiền vay tối đa là 20 tỷ đồng, mục đích để bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động kinh doanh, lãi vay theo từng lần nhận nợ.
- (d) Vay Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà theo lãi suất không vượt quá lãi suất trần của Ngân hàng Nhà nước. Khoản vay này được đảm bảo bằng uy tín và năng lực của bên vay, toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng VND và ngoại tệ tại ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác,...
- (e) Khoản vay Ông Đỗ Quang Cường và Hà Văn Cường với lãi suất 21%/năm trong thời hạn 03 tháng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Số đã trả trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	52.754.987.139	105.090.649.329	98.618.181.994	59.227.454.474
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	8.036.623.886	17.469.965.265	23.506.589.151	2.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	973.189.464	973.189.464	973.189.464	973.189.464
Cộng	61.764.800.489	123.533.804.058	123.097.960.609	62.200.643.938

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 THĂNG LONG

Địa chỉ: BT 03 - Vị trí 24 - Khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

17. Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Người bán cung cấp dịch vụ xây dựng, lắp đặt	44.323.438.199	23.969.149.303
Người bán cung cấp vật tư và dịch vụ khác	2.206.012.767	35.573.507.605
Cộng	46.529.450.966	59.542.656.908

18. Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Khối lượng xây dựng, lắp đặt	30.172.888.865	15.034.284.415
Tiền mua điện, nước và dịch vụ khác	-	199.983.386
Cộng	30.172.888.865	15.234.267.801

19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	4.388.721.467	7.845.607.629	6.217.679.772	6.016.649.324
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.200.936.551	2.079.493.207	33.211.981	4.247.217.777
Thuế thu nhập cá nhân	156.841.979	257.274.060	59.299.524	354.816.515
Thuế nhà đất	-	27.067.624	-	27.067.624
Các loại thuế khác	-	5.000.000	5.000.000	-
Cộng	6.746.499.997	10.221.549.884	6.322.298.641	10.645.751.240

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25%.

Theo thông tư 154/2011/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn nghị định số 101/2011/NĐ-CP ngày 4 tháng 11 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 08/2011/QH13 của Quốc hội về ban hành bổ sung một số giải pháp về thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và cá nhân, đơn vị thuộc đối tượng doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động trong lĩnh vực xây dựng các công trình hạ tầng kinh tế - xã hội được giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm 2011

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	10.256.362.627	12.667.944.498
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	914.271.014	485.868.563
- Các khoản điều chỉnh tăng		
+ Chi phí không được trừ	914.271.014	485.868.563
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế	11.170.633.641	13.153.813.061
Trong đó		
Thu nhập tính thuế không được miễn giảm	1.218.937.852	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 THĂNG LONG

Địa chỉ: BT 03 - Vị trí 24 - Khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
<i>Thu nhập tính thuế được giảm</i>	9.951.695.789	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	2.792.658.410	3.288.453.265
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	(746.377.184)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	2.046.281.226	3.288.453.265
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước	33.211.981	26.415.950
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.079.493.207	3.314.869.215

Thuế nhà đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

20. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay phải trả	173.935.498	225.754.200
Chi phí thuê nhà	12.000.000	48.000.000
Chi phí thuê máy	590.452.652	-
Khối lượng xây lắp tạm tính	8.784.916.982	8.032.836.072
Chi phí nhiên liệu, nguyên liệu, vật liệu	4.156.955.339	-
Các khoản chi phí phải trả khác	603.135.316	301.048.755
Cộng	14.321.395.787	8.607.639.027

21. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	1.988.008.786	839.253.568
Kinh phí công đoàn	990.265.584	503.182.780
Tiền cổ tức phải trả cho cổ đông	6.815.000.000	315.000.000
Chủ đầu tư cấp nguồn chi trả hộ tiền đền bù	94.543.570	601.875.561
Tiền vật tư ĐZ 220kV Đăk Mi 4	589.295.053	-
Thuế thu nhập cá nhân phải trả nước Lào	824.380.737	-
Tiền khối lượng chưa thanh toán cho chủ nhiệm công trình	3.385.568.056	2.144.645.919
Phải trả phải nộp khác	1.197.079.029	1.656.892.337
Cộng	15.884.140.815	6.060.850.165

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 THĂNG LONG

Địa chỉ: BT 03 - Vị trí 24 - Khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi của Công ty chỉ có quỹ khen thưởng. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	(40.703.750)	-
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	561.184.516	405.996.250
Tăng khác	-	200.000
Chi quỹ trong năm	(398.800.000)	(446.900.000)
Số cuối năm	121.680.766	(40.703.750)

23. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn ngân hàng	699.046.268	1.672.235.732
Vay dài hạn ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Quang Trung ^(a)	361.734.804	1.208.432.460
+) <i>Hợp đồng tín dụng số 26061/2009/HĐTD</i>	<i>154.819.581</i>	<i>587.686.797</i>
+) <i>Hợp đồng tín dụng số 26060/2009/HĐTD</i>	<i>206.915.223</i>	<i>620.745.663</i>
Vay dài hạn ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Hà Nội ^(b)	337.311.464	463.803.272
+) <i>Hợp đồng tín dụng số 207-01.07.10/HĐTĐTDH/TPB.HN</i>	<i>337.311.464</i>	<i>463.803.272</i>
Cộng	699.046.268	1.672.235.732

(a) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung theo hai hợp đồng tín dụng:

Hợp đồng tín dụng số 26060/2009/HĐTD ngày 26 tháng 06 năm 2009 để thực hiện dự án “Đầu tư nâng cao năng lực thiết bị xe máy phục vụ thi công xây lắp năm 2009”. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc đảm bảo tài sản hình thành trong tương lai là toàn bộ giá trị tài sản máy móc thiết bị thuộc dự án đầu tư: “Đầu tư nâng cao năng lực thiết bị xe máy phục vụ thi công xây lắp năm 2009”, giá trị tài sản tạm tính: 3.826.900.000 VND.

Hợp đồng tín dụng số 26061/2009/HĐTD ngày 26 tháng 06 năm 2009 để thực hiện dự án: “Đầu tư mua sắm xe ô tô phục vụ quản lý điều hành”. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc đảm bảo tài sản hình thành trong tương lai là toàn bộ giá trị tài sản máy móc thiết bị thuộc dự án đầu tư: “Đầu tư mua sắm xe ô tô phục vụ quản lý điều hành”, giá trị tài sản tạm tính: 2.736.180.225 VND.

(b) Khoản vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hà Nội hợp đồng tín dụng số 07-01.07.10/HĐTD ngày 03 tháng 08 năm 2010 để thực hiện dự án “Đầu tư nâng cao năng lực thiết bị xe máy phục vụ thi công xây lắp năm 2010”. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc đảm bảo tài sản hình thành trong tương lai là toàn bộ giá trị tài sản máy móc thiết bị thuộc dự án đầu tư: “Đầu tư nâng cao năng lực thiết bị xe máy phục vụ thi công xây lắp năm 2010”, giá trị tài sản tạm tính: 948.501.273 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 THĂNG LONG

Địa chỉ: BT 03 - Vị trí 24 - Khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	-	-
Trên 1 năm đến 5 năm	699.046.268	1.672.235.732
Trên 5 năm	-	-
Tổng nợ	699.046.268	1.672.235.732

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Số kết chuyển</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay dài hạn ngân hàng	1.672.235.732	-	973.189.464	699.046.268
Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Quang Trung	1.208.432.460	-	846.697.656	361.734.804
Vay dài hạn Ngân hàng Thương mại cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Hà Nội	463.803.272	-	126.491.808	337.311.464
Cộng	1.672.235.732	-	973.189.464	699.046.268

24. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	282.819.808	188.875.627
Số trích lập trong năm	108.705.716	93.944.181
Số chi trong năm	-	-
Số cuối năm	391.525.524	282.819.808

25. Doanh thu chưa thực hiện

Là doanh thu chưa thực hiện của dịch vụ xây dựng, lắp đặt.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 THĂNG LONG

Địa chỉ: BT 03 - Vị trí 24 - Khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

26. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	50.000.000.000	5.000.000.000	859.710.318	142.530.019	8.271.138.505	64.273.378.842
Phân phối lợi nhuận năm 2009	-	-	1.660.283.532	338.808.723	(2.405.088.505)	(405.996.250)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	9.353.075.283	9.353.075.283
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	-	(5.866.050.000)	(5.866.050.000)
Số dư cuối năm trước	50.000.000.000	5.000.000.000	2.519.993.850	481.338.742	9.353.075.283	67.354.407.875
Số dư đầu năm nay	50.000.000.000	5.000.000.000	2.519.993.850	481.338.742	9.353.075.283	67.354.407.875
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	8.176.869.420	8.176.869.420
Trích lập các quỹ trong năm nay	-	-	1.824.237.003	467.653.764	(2.853.075.283)	(561.184.516)
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	-	(6.500.000.000)	(6.500.000.000)
Số dư cuối năm nay	50.000.000.000	5.000.000.000	4.344.230.853	948.992.506	8.176.869.420	68.470.092.779

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.000.000	5.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.000.000	5.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.000.000	5.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

1. Doanh thu

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	213.185.780.552	276.650.886.957
Doanh thu kinh doanh điện	22.231.737.868	26.997.039.537
Doanh thu bán vật tư	414.224.590	3.112.186.429
Doanh thu hoạt động xây dựng	176.115.088.212	238.996.003.356
Doanh thu cung cấp dịch vụ	14.424.729.882	7.545.657.635
Doanh thu thuần	213.185.780.552	276.650.886.957

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 THĂNG LONG

Địa chỉ: BT 03 - Vị trí 24 - Khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hoạt động kinh doanh điện	21.838.093.370	26.147.671.550
Giá vốn hoạt động bán vật tư	372.503.807	1.847.845.688
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	145.810.227.793	209.447.950.760
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	5.869.076.987	2.713.819.366
Cộng	173.889.901.957	240.157.287.364

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	135.019.908	128.181.744
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	39.725.000	423.860.866
Lãi đầu tư trái phiếu	-	511.597.222
Lãi chậm trả	308.659.886	462.988.585
Cộng	483.404.794	1.526.628.417

4. Chi phí tài chính

Là chi phí lãi vay

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	9.017.337.063	10.143.282.351
Chi phí vật liệu quản lý	1.127.919.629	1.091.787.947
Chi phí đồ dùng văn phòng	631.446.736	568.193.036
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.008.893.518	807.435.619
Thuế, phí và lệ phí	85.313.272	229.244.241
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.555.720.670	2.138.022.053
Chi phí bằng tiền khác	2.588.982.819	2.625.308.470
Cộng	16.015.613.707	17.603.273.717

6. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu tiền bán hồ sơ thầu	-	17.272.727
Thu tiền thanh lý tài sản cố định	2.636.364	503.000.000
Thu tiền điện	5.218.965	1.779.621
Phí bảo lãnh	113.521.984	-
Thu nhập khác	1.200.000	-
Cộng	122.577.313	522.052.348

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 THĂNG LONG

Địa chỉ: BT 03 - Vị trí 24 - Khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

7. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại tài sản cố định thanh lý	-	505.471.906
Tiền phạt do chậm nộp BHXH	162.270.525	23.691.189
Tiền phạt thuế	503.337.036	204.177.374
Tiền phạt hành chính	21.607.364	25.000.000
Chi phí khác	84.795	-
Cộng	687.299.720	758.340.469

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	8.176.869.420	9.353.075.283
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	8.176.869.420	9.353.075.283
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	5.000.000	5.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.635	1.871

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	5.000.000	5.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	5.000.000	5.000.000

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Áp dụng qui định kế toán mới

Ngày 06 tháng 11 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính và được áp dụng để trình bày và thuyết minh các công cụ tài chính trên Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi.

Theo yêu cầu của Thông tư này Công ty cũng đã bổ sung thêm các thuyết minh từ VII.04 đến VII.07 dưới đây.

Ngoài ra, Thông tư này cũng yêu cầu Công ty phải xem xét các điều khoản trong công cụ tài chính phức hợp để xác định liệu công cụ đó có bao gồm các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu hay không. Phần được phân loại là nợ phải trả được trình bày riêng biệt với phần được phân loại là tài sản tài chính hoặc vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán. Yêu cầu của Thông tư này không ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty do Công ty chưa phát hành các công cụ tài chính phức hợp.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 THĂNG LONG

Địa chỉ: BT 03 - Vị trí 24 - Khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

2. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	990.756.405	821.992.997
Phụ cấp	287.160.000	462.000.000
Cộng	1.277.916.405	1.283.992.997

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Sông Đà 11	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà 11	Công ty con cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Thủy Điện To Buông	Công ty liên kết

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Sông Đà 11		
<i>Giao dịch bán hàng</i>		
Khối lượng Công trình thực hiện trong năm	36.691.201.347	29.128.125.924
Thuế GTGT	3.669.120.134	2.912.812.591
Khối lượng Bê tông cung cấp	-	3.421.615.533
Thuế GTGT	-	342.161.554
Bán TSCĐ cho Công ty Sông Đà 11	-	401.636.364
Thuế GTGT	-	40.163.636
<i>Giao dịch mua hàng</i>		
Khối lượng Công trình thực hiện trong năm	-	3.421.615.533
Thuế GTGT	-	342.161.553
Mua vật tư	475.843.753	-
Thuế GTGT	47.584.375	-
Tiền phí bảo hiểm công trình	33.651.712	-
Thuế GTGT	3.365.171	-
Tiền phí bảo lãnh	355.529.690	136.830.487
Thuế GTGT	-	10.802.106
<i>Giao dịch khác</i>		
Tiền cổ tức phải trả công ty mẹ	2.340.000.000	3.035.000.000
Thanh toán tiền ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng	-	506.193.759
Thanh toán tiền vay vốn lưu động	-	300.000.000

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà 11

Giao dịch bán hàng

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 THĂNG LONG

Địa chỉ: BT 03 - Vị trí 24 - Khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Khối lượng Công trình thực hiện trong năm	338.418.830	582.896.780
Thuế GTGT	33.841.883	58.289.678
<i>Giao dịch khác</i>	-	<i>101.889.893</i>
Bù trừ công nợ		101.889.893
<i>Công ty Cổ phần Thủy Điện To Bường</i>		<i>500.000.000</i>
<i>Giao dịch khác</i>		<i>500.000.000</i>
Góp vốn trong năm	-	1.500.000.000
Khối lượng Công trình thực hiện trong kỳ	2.205.416.933	-
Thuế GTGT	220.541.693	-
Tiền điện phải trả	2.946.238	-
Thuế GTGT	294.624	-

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Công ty Cổ phần Sông Đà 11</i>		
Phải thu khối lượng xây lắp và các dịch vụ khác	21.823.900.290	22.554.315.399
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà 11</i>		
Phải thu khối lượng xây lắp và các dịch vụ khác	447.293.178	75.032.465
<i>Công ty Cổ phần Thủy Điện To Bường</i>		
Phải thu khối lượng xây lắp	2.425.958.626	-
Phải thu tiền điện	5.198.445	-
Cộng nợ phải thu	24.702.350.539	22.629.347.864
<i>Công ty Cổ phần Sông Đà 11</i>		
Ứng trước về giá trị công trình xây dựng	3.760.512.006	5.420.984.561
Phải trả tiền khối lượng	-	690.565.674
Phải trả tiền khối lượng, vật tư	722.749.308	-
Tiền cổ tức phải trả	2.340.000.000	-
Cộng nợ phải trả	6.823.261.314	6.111.550.235

3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực xây lắp: Chủ yếu là xây lắp đường dây tải điện, trạm biến áp đến cấp điện áp 500 kv; Xây dựng các công trình thủy điện, thủy lợi, giao thông, bưu điện; Xây lắp hệ thống điện, cấp thoát nước khu đô thị và khu công nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 THĂNG LONG

Địa chỉ: BT 03 - Vị trí 24 - Khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- Lĩnh vực ngoài xây lắp: Chủ yếu là dịch vụ quản lý, vận hành, phân phối điện năng; Dịch vụ quản lý vận hành nhà máy thủy điện vừa và nhỏ, nhà máy nước tại các khu công nghiệp và đô thị; Dịch vụ quản lý và vận hành kinh doanh bán điện, sản xuất kinh doanh điện thương phẩm.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	<u>Lĩnh vực xây lắp</u>	<u>Lĩnh vực ngoài xây lắp</u>	<u>Các khoản loại trừ</u>	<u>Cộng</u>
Năm nay				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	176.115.088.212	37.070.692.340	-	213.185.780.552
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	108.294.262.232	43.290.561.223	(151.584.823.455)	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	284.409.350.444	80.361.253.563	(151.584.823.455)	213.185.780.552
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	125.368.450.261	49.496.638.082	(151.584.823.455)	23.280.264.888
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				23.280.264.888
Doanh thu hoạt động tài chính				483.404.794
Chi phí tài chính				(12.942.584.648)
Thu nhập khác				122.577.313
Chi phí khác				(687.299.720)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(2.079.493.207)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				8.176.869.420
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	1.904.145.907	-	-	1.904.145.907
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	2.231.796.494	469.773.726	-	2.701.570.220
Năm trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	238.996.003.356	37.654.883.601	-	276.650.886.957
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	238.996.003.356	37.654.883.601	-	276.650.886.957

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 THĂNG LONG

Địa chỉ: BT 03 - Vị trí 24 - Khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Lĩnh vực xây lắp	Lĩnh vực ngoài xây lắp	Các khoản loại trừ	Cộng
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	11.944.778.879	6.945.546.997	-	18.890.325.876
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				18.890.325.876
Doanh thu hoạt động tài chính				1.526.628.417
Chi phí tài chính				(7.512.721.674)
Thu nhập khác				522.052.348
Chi phí khác				(758.340.469)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(3.314.869.215)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				9.353.075.283
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	7.282.234.129	-	-	7.282.234.129
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	3.020.744.537	-	-	3.020.744.537

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực xây lắp	Lĩnh vực ngoài xây lắp	Các khoản loại trừ	Cộng
Số cuối năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	88.893.906.017	27.959.336.912	-	116.853.242.929
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				145.779.366.128
Tổng tài sản				262.632.609.057
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	74.496.327.064	2.206.012.767	-	76.702.339.831
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				117.460.176.447
Tổng nợ phải trả				194.162.516.278
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	116.303.262.889	10.451.870.001	-	126.755.132.890
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				111.328.709.341
Tổng tài sản				238.083.842.231
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	39.003.433.718	35.773.490.991	-	74.776.924.709
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				95.952.509.647
Tổng nợ phải trả				170.729.434.356

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 THĂNG LONG

Địa chỉ: BT 03 - Vị trí 24 - Khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bổ chủ yếu ở khu vực Miền bắc, khu vực Miền trung, khu vực Tây nguyên và khu vực CHND Lào.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Năm nay	Năm trước
Khu vực phía Bắc	65.922.401.892	88.274.519.296
Khu vực miền Trung	37.877.515.825	59.944.286.435
Khu vực Tây nguyên	29.814.352.010	30.685.879.571
Khu vực CHND Lào	79.571.510.825	97.746.201.655
Cộng	213.185.780.552	276.650.886.957

Chi tiết về chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và tài sản bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của tài sản như sau:

	Chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		Tài sản bộ phận	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Khu vực phía Bắc	713.314.089	4.986.956.048	133.848.755.142	138.614.109.538
Khu vực miền Trung	281.831.818	1.642.200.363	48.777.275.529	37.357.518.297
Khu vực Tây nguyên	909.000.000	653.077.718	53.829.934.544	42.643.590.179
Khu vực CHND Lào	-	-	26.176.643.842	19.468.624.217
Cộng	1.904.145.907	7.282.234.129	262.632.609.057	238.083.842.231

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.058.266.009	13.459.072.102	18.058.266.009	13.459.072.102
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	8.000.000.000	8.000.000.000	8.000.000.000	8.000.000.000
Phải thu khách hàng	109.802.387.103	118.151.480.961	109.802.387.103	118.151.480.961
Các khoản phải thu khác	12.605.512.113	8.607.282.131	12.605.512.113	8.607.282.131
Cộng	148.466.165.225	148.217.835.194	148.466.165.225	148.217.835.194
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	42.449.567.765	59.542.656.908	42.449.567.765	59.542.656.908
Vay và nợ	62.899.690.206	63.437.036.221	62.899.690.206	63.437.036.221
Các khoản phải trả khác	41.513.795.395	21.686.658.564	41.513.795.395	21.686.658.564
Cộng	146.863.053.366	144.666.351.693	146.863.053.366	144.666.351.693

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

5. Tài sản đảm bảo

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 THĂNG LONG

Địa chỉ: BT 03 - Vị trí 24 - Khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

5. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng (xem thuyết minh số V.8). Thông tin về việc thế chấp tài sản cho đơn vị khác như sau:

Tài sản thế chấp	Giá trị sổ sách	Điều khoản và điều kiện thế chấp
Số cuối năm		
Tài sản cố định là trụ sở làm việc và một số máy móc thiết bị	12.058.861.382	Việc thế chấp tài sản kết thúc khi Công ty hoàn thành nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng
Cộng	12.058.861.382	

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

6. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

7. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

20306
HÌNH
CÔNG T
NHIỆM
TOÁN VÀ
TẠI
HÀ N
ĐÀ -

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 THĂNG LONG

Địa chỉ: BT 03 - Vị trí 24 - Khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay và nợ	62.200.643.938	699.046.268	-	62.899.690.206
Phải trả người bán	42.449.567.765	-	-	42.449.567.765
Các khoản phải trả khác	41.513.795.395	-	-	41.513.795.395
Cộng	146.164.007.098	699.046.268	-	146.863.053.366
Số đầu năm				
Vay và nợ	61.764.800.489	1.672.235.732	-	63.437.036.221
Phải trả người bán	59.542.656.908	-	-	59.542.656.908
Các khoản phải trả khác	21.686.658.564	-	-	21.686.658.564
Cộng	142.994.115.961	1.672.235.732	-	144.666.351.693

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

8. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ kế toán là VND.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 THĂNG LONG

Địa chỉ: BT 03 - Vị trí 24 - Khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Lập, ngày 14 tháng 3 năm 2012

Người lập biểu

Đoàn Văn Hiếu

Kế toán trưởng

Trần Thanh Giang

Tổng Giám đốc



Lê Văn Tuấn

T. NH. H. 10